

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1	Bùi Thị	Nhân	LNH006863	1	27.00	3.5	30.50
2	Lý Thị	Nhung	TND018885	1	26.75	3.5	30.25
3	Quảng Thị	Thanh	TTB005699	2	26.25	3.5	29.75
4	Bùi Thị	Huệ	LNH003858	1	26.25	3.5	29.75
5	Bùi Thị	Ngân	LNH006492	1	26.25	3.5	29.75
6	Triệu Linh	Đan	TND004771	2	26.00	3.5	29.50
7	Phạm Bá	Đạt	HDT005374	1	26.00	3.5	29.50
8	Trịnh Thị	Phượng	HDT020280	1	26.00	3.5	29.50
9	Đỗ Thị	Dung	DCN001673	1	26.00	3.5	29.50
10	Lường Văn	Đông	TTB001526	1	25.75	3.5	29.25
11	Phạm Thị	Nga	HDT017497	1	25.75	3.5	29.25
12	Ma Nhân Hoàng	Anh	TQU000098	1	25.75	3.5	29.25
13	Hà Thị Hương	Nhi	THV009805	3	25.50	3.5	29.00
14	Bàn Thị	Vân	TND029017	2	25.50	3.5	29.00
15	Hà Thị	Chang	TND002060	1	25.50	3.5	29.00
16	Bùi Thị	Nường	HDT019148	1	25.50	3.5	29.00
17	Đàm Thị	Thiệp	TND023907	1	25.50	3.5	29.00
18	Tòng Thùy	Linh	TTB003584	1	25.50	3.5	29.00
19	Quách Thương	Hiệp	LNH003262	1	26.50	2.5	29.00
20	Hà Thị Hương	Thảo	KQH012547	1	25.50	3.5	29.00
21	Nguyễn Thị Phương	Thảo	TTB005915	1	25.50	3.5	29.00
22	Nguyễn Hùng	Sơn	LNH007960	1	25.50	3.5	29.00
23	Hoàng Thị Vân	Thư	TND025171	2	25.25	3.5	28.75
24	Quan Thị	Nga	DCN007886	1	25.25	3.5	28.75
25	Ma Thị Thu	Uyên	KQH015950	1	25.25	3.5	28.75
26	Hoàng Ngọc	ánh	TND001290	1	25.25	3.5	28.75
27	Trần Thị	Hằng	TDV009422	1	27.25	1.5	28.75
28	Quan Thị Thu	Quỳnh	TQU004637	1	25.25	3.5	28.75
29	Nguyễn Thị	Nhung	LNH006991	1	25.25	3.5	28.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
30	Nguyễn Phương	Hoa	THV004749	1	27.25	1.5	28.75
31	Bùi Kim	Ngân	LNH006487	1	25.25	3.5	28.75
32	Bùi Thị	Giang	DCN002642	2	25.00	3.5	28.50
33	Dương Thị	Thư	TTB006434	1	27.00	1.5	28.50
34	Đinh Thị Bích	Đoan	TND005248	1	25.00	3.5	28.50
35	Nguyễn Thị Vân	Anh	SPH001102	1	28.00	0.5	28.50
36	Nguyễn Ngọc	Chí	TND002333	1	25.00	3.5	28.50
37	Lò Thị	Diện	TTB001037	1	25.00	3.5	28.50
38	Đặng Hồng	Minh	THV008679	1	25.00	3.5	28.50
39	Võ Thị	Huyền	TDV013985	1	27.00	1.5	28.50
40	Nguyễn Đàm Mai	Hương	TND011845	1	25.00	3.5	28.50
41	Nguyễn Thị Thùy	Linh	DHU011359	1	27.50	1.0	28.50
42	Nguyễn Hồng	Hạnh	TTB001934	1	27.00	1.5	28.50
43	Nguyễn Thị Thu	Huệ	TQU002239	1	25.00	3.5	28.50
44	Nguyễn Thị Hiền	Châu	THV001226	1	27.00	1.5	28.50
45	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	TND006904	2	24.75	3.5	28.25
46	Hoàng Thị Thu	Hương	TND011773	2	24.75	3.5	28.25
47	Nguyễn Thị	Linh	DCN006410	2	24.75	3.5	28.25
48	Trịnh Thị Kim	Anh	KHA000716	2	26.25	2.0	28.25
49	Hoàng Thị	Ly	TND015654	1	24.75	3.5	28.25
50	Nông Thu	Trang	DCN011942	1	24.75	3.5	28.25
51	Hoàng Thị Ngọc	Anh	THV000202	1	24.75	3.5	28.25
52	Quách Thanh	Thủy	LNH009237	1	24.75	3.5	28.25
53	Huỳnh Thị Kim	Thúy	THV013125	1	26.75	1.5	28.25
54	Lê Thị	Lam	THP007705	1	27.25	1.0	28.25
55	Lê Thị	Thế	TND023694	1	24.75	3.5	28.25
56	Phan Đức	Quý	TND020712	1	24.75	3.5	28.25
57	Lưu Thị	Mai	SPH010983	1	27.25	1.0	28.25
58	Nông Thị	Phương	KQH010977	1	24.75	3.5	28.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
59	Nguyễn Thị Ngọc	Dung	TND003761	2	24.50	3.5	28.00
60	Và A	Tủa	TTB007056	2	24.50	3.5	28.00
61	Vừ A	Dia	TTB001020	2	24.50	3.5	28.00
62	La Thị	Lệ	DCN006045	1	24.50	3.5	28.00
63	Nguyễn Thị	Tâm	DCN009847	1	24.50	3.5	28.00
64	Đinh Phương	Thảo	TTB005848	1	26.50	1.5	28.00
65	Lê Thị Thúy	Huệ	TQU002229	1	26.50	1.5	28.00
66	Trần Thị Lan	Anh	TND001099	1	26.50	1.5	28.00
67	Hoàng Thị	Phượng	TQU004408	1	24.50	3.5	28.00
68	Lê Thị Cẩm	Vân	TDV035760	1	26.00	2.0	28.00
69	Hoàng Lệ Khánh	Linh	THV007389	1	24.50	3.5	28.00
70	Hoàng Châu	Bình	TQU000365	1	26.50	1.5	28.00
71	Hoàng Thị Trà	My	TND016796	1	24.50	3.5	28.00
72	Đoàn Thị Thùy	Linh	TND014118	1	26.50	1.5	28.00
73	Nguyễn Thị Thùy	Dương	TTB001363	1	26.50	1.5	28.00
74	Nguyễn Thị Hương	Ly	THV008295	1	26.50	1.5	28.00
75	Bùi Thị Như	ý	DHU027524	1	27.50	0.5	28.00
76	Đàm Thị	Nhung	TND018794	1	24.50	3.5	28.00
77	Lương Thị	Bền	TDV002344	1	24.50	3.5	28.00
78	Đỗ Thị	Hoài	NLS004234	1	26.50	1.5	28.00
79	Nguyễn Thu	Hà	TQU001432	1	24.50	3.5	28.00
80	Trịnh Thị	Linh	TTB003597	1	26.50	1.5	28.00
81	Bùi Thị	Phượng	LNH007269	1	24.50	3.5	28.00
82	Ma Thị Tuyết	Nhung	DCN008405	1	24.50	3.5	28.00
83	Trần Thị Như	Quyên	TTB005117	1	26.50	1.5	28.00
84	Nguyễn Khánh	Linh	THV007536	2	26.25	1.5	27.75
85	Lý Thị	An	TND000038	1	24.25	3.5	27.75
86	Hoàng Như	Quỳnh	THV011063	1	24.25	3.5	27.75
87	Dương Văn	Tuấn	HDT028092	1	24.25	3.5	27.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
88	Lò Văn	Duyệt	HDT004727	1	24.25	3.5	27.75
89	Đào Thị	Thúy	SPH016697	1	26.25	1.5	27.75
90	Doãn Thị	Hồng	HDT010018	1	26.25	1.5	27.75
91	Lục Thị Kiều	Trang	TQU005803	1	24.25	3.5	27.75
92	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003305	1	26.25	1.5	27.75
93	Nguyễn Lê Thu	Hà	LNH002503	1	24.25	3.5	27.75
94	Vương Hồng	Huyền	THP006755	1	26.75	1.0	27.75
95	Giang Thị Hải	Lý	TND015796	1	27.25	0.5	27.75
96	Lự Thị	Thúy	THV013127	1	24.25	3.5	27.75
97	Hoàng Thị	Hà	DCN002833	1	24.25	3.5	27.75
98	Đàm Văn	Thực	TND025270	1	24.25	3.5	27.75
99	Hoàng Thị	Thanh	HDT022547	1	26.25	1.5	27.75
100	Phạm Văn	Đông	HDT005678	1	26.25	1.5	27.75
101	Triệu Thị	Lấy	TND013609	1	24.25	3.5	27.75
102	Bàn Thị Mỹ	Hạnh	TQU001523	1	24.25	3.5	27.75
103	Nguyễn Ngọc	Duyên	THP002592	1	26.75	1.0	27.75
104	Nguyễn Thị	Hồng	TND009833	1	26.25	1.5	27.75
105	Vũ Thị Huyền	Trang	TQU005926	1	26.25	1.5	27.75
106	Hoàng Thị	Trang	HDT026389	1	24.25	3.5	27.75
107	Hoàng Thị	Chiên	TQU000475	2	24.00	3.5	27.50
108	Chu Thị	Duyên	TND004274	2	24.00	3.5	27.50
109	Bế Thị	Hường	TND012099	2	24.00	3.5	27.50
110	Nông Thị	Đào	TND004806	2	24.00	3.5	27.50
111	Vy Mỹ	Linh	TND014890	2	24.00	3.5	27.50
112	Nông Thị	Loan	TND015028	2	24.00	3.5	27.50
113	Trần Thị	Thủy	YTB021441	2	26.50	1.0	27.50
114	Nguyễn Thị Thu	An	TND000058	2	24.00	3.5	27.50
115	Hà Thị	Luyến	TQU003406	2	24.00	3.5	27.50
116	Nguyễn Thị Thùy	Vân	SPH019288	1	27.00	0.5	27.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
117	Trần Thị Thanh	Lam	LNH004935	1	27.00	0.5	27.50
118	Lê Thị	Duyên	THP002581	1	27.00	0.5	27.50
119	Hà Thu	Hằng	TTB002005	1	24.00	3.5	27.50
120	Trần Thị Như	Quỳnh	TTB005235	1	26.00	1.5	27.50
121	Linh Thị Mai	Anh	TND000507	1	24.00	3.5	27.50
122	Phạm Thu	Phượng	HDT020052	1	24.00	3.5	27.50
123	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017324	1	26.50	1.0	27.50
124	Vi Thị	Vân	TND029204	1	24.00	3.5	27.50
125	Lê Quốc	Hào	TDV008777	1	26.00	1.5	27.50
126	Lường Thị	Hằng	TTB002030	1	24.00	3.5	27.50
127	Hoàng Thị	Phượng	TDV023811	1	26.50	1.0	27.50
128	Nguyễn Thị	Thúy	THP014491	1	26.50	1.0	27.50
129	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029683	1	26.00	1.5	27.50
130	Nguyễn Thị	Huế	TDV012434	1	26.00	1.5	27.50
131	Nguyễn Thị	Hồng	TTN007044	1	26.00	1.5	27.50
132	Lê Thị Kim	Ngọc	TTB004371	1	26.00	1.5	27.50
133	Hà Thị Ngọc	Linh	THV007366	1	24.00	3.5	27.50
134	Nguyễn Thị Minh	Hân	TQU001669	1	26.00	1.5	27.50
135	Cao Thị Hồng	Phượng	TDV024229	1	24.00	3.5	27.50
136	Đỗ Minh	Ngọc	THV009413	1	27.00	0.5	27.50
137	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013732	1	27.00	0.5	27.50
138	Mã Thanh	Lâm	TND013503	1	24.00	3.5	27.50
139	Hà Thị Bích	Thảo	TQU005042	1	24.00	3.5	27.50
140	Lê Phương	Anh	HDT000573	1	26.00	1.5	27.50
141	Lý Thái	Bảo	TND001546	1	24.00	3.5	27.50
142	Nguyễn Thị Thu	Phượng	SPH013790	1	26.00	1.5	27.50
143	Nguyễn Thị	Quỳnh	DHU019103	2	24.75	2.5	27.25
144	Nguyễn Thị Hà	Thương	HDT025520	2	26.75	0.5	27.25
145	Ngô Duy Hồng	Quân	LNH007568	2	25.75	1.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
146	Nông Thị	Xâm	TND029728	2	23.75	3.5	27.25
147	Nguyễn Thị Thanh	Mai	KQH008813	2	23.75	3.5	27.25
148	Hoàng Thu	Hoàn	TND009280	2	23.75	3.5	27.25
149	Nguyễn Phương	Trang	THP015142	2	26.25	1.0	27.25
150	Hồ Văn	Trai	DHU024012	2	23.75	3.5	27.25
151	Nguyễn Kim	Chi	THV001265	2	25.75	1.5	27.25
152	La Thị	Dung	THV002048	1	23.75	3.5	27.25
153	Phạm Thu	Hảo	THP004409	1	26.75	0.5	27.25
154	Lê Thị Minh	Thảo	TQU005062	1	25.75	1.5	27.25
155	Dương Thị Thục	Chinh	TND002475	1	23.75	3.5	27.25
156	Mã Thị	Thanh	SPH015271	1	23.75	3.5	27.25
157	Kim Thảo	Linh	TQU003121	1	23.75	3.5	27.25
158	Nguyễn Văn	Dương	TDV005627	1	26.25	1.0	27.25
159	Lê Thị	Hương	HDT012158	1	26.25	1.0	27.25
160	Nông Văn	Quân	TQU004497	1	23.75	3.5	27.25
161	Nguyễn Thị	Huyền	TDV013542	1	25.75	1.5	27.25
162	Vũ Thị Mai	Sao	THV011268	1	25.75	1.5	27.25
163	Phạm Thị Kiều	Linh	TQU003235	1	25.75	1.5	27.25
164	Trần Phương	Anh	TTB000267	1	25.75	1.5	27.25
165	Nguyễn Thị	Anh	TND000706	1	25.75	1.5	27.25
166	Bùi Thị Hải	Linh	TDV016205	1	26.75	0.5	27.25
167	Hà Thị	Hằng	KQH004209	1	23.75	3.5	27.25
168	Đinh Thị	Chinh	HDT002715	1	23.75	3.5	27.25
169	Đào Thị Tú	Linh	THV007314	1	25.75	1.5	27.25
170	Nguyễn Ngọc	ánh	SPH001786	1	26.75	0.5	27.25
171	Nguyễn Thị	Hậu	SPH005805	1	26.75	0.5	27.25
172	Nguyễn Tấn	Hòa	TQU001965	1	23.75	3.5	27.25
173	Đặng Thị	Nga	TDV020349	1	25.75	1.5	27.25
174	Lê Thị Huệ	Duyên	HDT004620	1	25.75	1.5	27.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
175	Ma Thị Thu	Hoài	TQU001996	1	23.75	3.5	27.25
176	Lù Thị	Tâm	DCN009835	1	23.75	3.5	27.25
177	Đỗ Thị Thái	Hà	HDT006565	1	26.25	1.0	27.25
178	Nông Thị	Son	TND021467	1	23.75	3.5	27.25
179	Hoàng Hồng	Ngọc	THV009455	1	23.75	3.5	27.25
180	Lã Thị	Linh	YTB012556	1	25.75	1.5	27.25
181	Lò Thị	Thanh	TTB005671	2	23.50	3.5	27.00
182	Giàng A	Lào	TTB003340	2	23.50	3.5	27.00
183	Trần Diệu	Linh	TTB003588	2	25.50	1.5	27.00
184	Nguyễn Thúy	Hằng	THP004564	2	26.50	0.5	27.00
185	Vì Thị Thúy	An	TTB000032	2	23.50	3.5	27.00
186	Bùi Thị Lan	Anh	LNH000072	2	23.50	3.5	27.00
187	Hoàng Thu	Hương	TND011776	2	23.50	3.5	27.00
188	Hà Thị	Xuyến	TTB007651	2	23.50	3.5	27.00
189	Lương Thị Phương	Thảo	THP013325	2	26.50	0.5	27.00
190	Hoàng Thị	Hằng	TND007295	2	23.50	3.5	27.00
191	Trần Thu	Ngân	THV009292	2	25.50	1.5	27.00
192	Chẫu Thị	Ninh	TQU004156	2	23.50	3.5	27.00
193	Bùi Thị Thu	Hà	TND006094	2	25.50	1.5	27.00
194	Trần Thị	Oanh	TDV023128	2	25.50	1.5	27.00
195	Dương Thị Lan	Anh	TND000157	2	25.50	1.5	27.00
196	Nguyễn Thị Thu	Hiền	TTB002147	2	25.50	1.5	27.00
197	Lường Thị	Hải	TTB001865	2	23.50	3.5	27.00
198	Đặng Thị	Liêm	KQH007587	1	23.50	3.5	27.00
199	Nguyễn Thị Vân	Anh	HDT001193	1	26.00	1.0	27.00
200	Thèn Mai	Ngọc	THV009576	1	23.50	3.5	27.00
201	Đỗ Thị	Thoa	HDT024146	1	25.50	1.5	27.00
202	Đặng Hiền	Thương	TND025302	1	25.50	1.5	27.00
203	Bùi Thị Trà	My	TTB004084	1	25.50	1.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
204	Nông Phương	Thảo	TND023241	1	23.50	3.5	27.00
205	Phạm Thị	Nga	THP010025	1	26.00	1.0	27.00
206	Đặng Thị	Hiền	TTB002121	1	25.50	1.5	27.00
207	Phạm Mai	Trang	TND026654	1	25.50	1.5	27.00
208	Vương Thị Tuyết	Trinh	KQH014933	1	26.50	0.5	27.00
209	Đỗ Thị	Uyên	KQH015939	1	26.50	0.5	27.00
210	Triệu Thị	Mây	TND016355	1	23.50	3.5	27.00
211	Hoàng Thị	Sa	THV011215	1	25.50	1.5	27.00
212	Phạm Thị	Hằng	HDT008053	1	26.00	1.0	27.00
213	Phạm Thị Linh	Trang	HDT027041	1	25.50	1.5	27.00
214	Đoàn Thị Phương	Trinh	TND026914	1	23.50	3.5	27.00
215	Trịnh Thị	Châm	TND002122	1	23.50	3.5	27.00
216	Lê Sỹ	Cường	HDT003300	1	26.00	1.0	27.00
217	Nguyễn Hải	Lê	HDT013473	1	26.00	1.0	27.00
218	Đặng Thị	Tâm	TDV026932	1	25.50	1.5	27.00
219	Lò Đức	Giang	TTB001642	1	23.50	3.5	27.00
220	Hoàng Thị	Ly	HDT015740	1	25.50	1.5	27.00
221	Bùi Thị Thương	Huyền	YTB009828	1	26.50	0.5	27.00
222	Vũ Thị	Thành	BKA011812	1	26.00	1.0	27.00
223	Nguyễn Đức	Thành	TQU004993	1	23.50	3.5	27.00
224	Ma Thị	ánh	TQU000275	1	23.50	3.5	27.00
225	Đinh Thùy	Linh	LNH005244	1	25.50	1.5	27.00
226	Đặng Thủy	Vân	THV015105	1	23.50	3.5	27.00
227	Chầu Thị	Đẹp	KQH002942	1	23.50	3.5	27.00
228	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009233	1	26.50	0.5	27.00
229	Lương Thị	Vân	TND029086	1	23.50	3.5	27.00
230	Ngô Hồng	Hạnh	TND006956	1	23.50	3.5	27.00
231	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	HDT004666	1	25.50	1.5	27.00
232	Hoàng Thị Thuỷ	Tiên	HDT025655	1	24.50	2.5	27.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
233	Cà Thị	út	TTB007347	1	23.50	3.5	27.00
234	Nông Thị Thu	Hoài	TND009059	1	23.50	3.5	27.00
235	Nguyễn Ngọc	Lan	DCN005913	1	25.50	1.5	27.00
236	Nguyễn Thị Thuỳ	Linh	THP008419	1	26.00	1.0	27.00
237	Lương Văn	Qui	THV010880	1	23.50	3.5	27.00
238	Lô Thị ánh	Minh	TDV019267	1	23.50	3.5	27.00
239	Triệu Văn	Tuyển	TND028499	1	23.50	3.5	27.00
240	Phạm Hồng	Sơn	HDT021848	2	25.25	1.5	26.75
241	Hồ Thị	ánh	TDV001687	2	25.25	1.5	26.75
242	Đậu Thị	Sương	TDV026500	2	25.75	1.0	26.75
243	Màng Thị	Nhọn	TTB004558	2	23.25	3.5	26.75
244	Nguyễn Bá	Ngọc	THP010357	2	24.25	2.5	26.75
245	Lăng Thị	Hoài	TND009110	2	23.25	3.5	26.75
246	Lương Thị Hồng	Nhung	TLA010512	2	25.75	1.0	26.75
247	Nguyễn Thị	Vân	TDV035875	2	25.25	1.5	26.75
248	Phùng Thị	Quyên	TND020831	2	23.25	3.5	26.75
249	Nguyễn Thu	Trang	TQU005861	2	25.25	1.5	26.75
250	Đào Thị	Hương	HDT011993	2	25.75	1.0	26.75
251	Nguyễn Đình	Cảnh	HDT002326	2	25.75	1.0	26.75
252	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	TDV013721	2	26.25	0.5	26.75
253	Lê Thị Hoài	Thơ	DHU022300	1	25.25	1.5	26.75
254	Nguyễn Thị Thùy	Dung	TQU000854	1	25.25	1.5	26.75
255	Bùi Thị Băng	Trình	LNH009970	1	23.25	3.5	26.75
256	Đào Anh	Dũng	THV002162	1	25.25	1.5	26.75
257	Đào Thị Vân	Anh	TDV000349	1	26.25	0.5	26.75
258	Lê Thị	Phượng	HDT020198	1	25.75	1.0	26.75
259	Hoàng Thị	Mai	TQU003506	1	23.25	3.5	26.75
260	Phạm Thị	Thảo	YTB019918	1	26.25	0.5	26.75
261	Nguyễn Hải	Yến	TDV036957	1	25.25	1.5	26.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
262	Bùi Thị	Thủy	TDV030302	1	25.75	1.0	26.75
263	Hà Ngọc	Huyền	HDT011301	1	23.25	3.5	26.75
264	Phan Thị Thanh	Hải	TDV008370	1	25.25	1.5	26.75
265	Lèng Thị	Như	TQU004142	1	23.25	3.5	26.75
266	Tống Thị	Mai	HDT016152	1	25.25	1.5	26.75
267	Nguyễn Thu	Thảo	LNH008590	1	25.25	1.5	26.75
268	Trương Thị Hồng	Vân	TDV035937	1	25.25	1.5	26.75
269	Nguyễn Thị	Gái	TDV007083	1	25.25	1.5	26.75
270	Vũ Thủy	Tiên	THV013361	1	25.25	1.5	26.75
271	Triệu Diễm	Quỳnh	THV011180	1	23.25	3.5	26.75
272	Dương Thị Thu	Hương	TND011695	1	23.25	3.5	26.75
273	Bùi Thị Thúy	Hiền	THV004244	1	25.25	1.5	26.75
274	Chu Thị	Thảo	TTB005838	1	23.25	3.5	26.75
275	Trương Hải	Yến	TND030159	1	23.25	3.5	26.75
276	Bùi Thị	Hà	LNH002420	1	23.25	3.5	26.75
277	Lao Thị Hồng	Hoài	TND009109	1	23.25	3.5	26.75
278	Lao Thị Ngọc	ánh	TND001317	1	23.25	3.5	26.75
279	Lê Thị	Nhung	HDT018777	1	26.25	0.5	26.75
280	Phạm Việt	Trình	THP015567	1	26.25	0.5	26.75
281	Triệu Thị Thanh	Viễn	DCN013068	1	23.25	3.5	26.75
282	Hoàng Minh	Thành	DHU020770	2	25.00	1.5	26.50
283	Lò Trung	Thành	TTB005740	2	23.00	3.5	26.50
284	Lý Thị	Ghế	TND005756	2	23.00	3.5	26.50
285	Nguyễn Thị Thu	Ngoan	TND017827	2	25.00	1.5	26.50
286	Trần Thị Hà	Tiên	TTB006546	2	23.00	3.5	26.50
287	Mạc Quỳnh	Anh	THP000387	2	26.00	0.5	26.50
288	Trần Ngọc	Mai	TND016088	2	23.00	3.5	26.50
289	Đàm Thị Mỹ	Linh	KQH007744	2	23.00	3.5	26.50
290	Nguyễn Thị	Hương	THV006207	2	23.00	3.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
291	Phan Mỹ	Hạnh	TQU001564	2	25.00	1.5	26.50
292	Triệu Thị	Thịnh	TQU005280	2	23.00	3.5	26.50
293	Nguyễn Thị Thùy	Linh	LNH005414	2	25.00	1.5	26.50
294	Hàn Thị Ngọc	Mai	KQH008728	2	23.00	3.5	26.50
295	Sáng Thị	Chính	TQU000537	2	23.00	3.5	26.50
296	Sùng Thị	Dợ	TQU000804	2	23.00	3.5	26.50
297	Lã Văn	Băng	DCN000946	2	25.50	1.0	26.50
298	Nông Thị	Hằng	TND007466	2	23.00	3.5	26.50
299	Trần Thị	Hằng	HHA004440	2	23.00	3.5	26.50
300	Hoàng Thị	Lành	TND013442	2	23.00	3.5	26.50
301	Lý A	Chớ	TTB000675	2	23.00	3.5	26.50
302	Pờ Mé	Nu	TTB004653	2	23.00	3.5	26.50
303	Nguyễn Thị	Thuận	TND024540	2	25.00	1.5	26.50
304	Nguyễn Diệu	Linh	SPH009704	2	25.50	1.0	26.50
305	Hoàng ánh	Nguyệt	TND018349	2	23.00	3.5	26.50
306	Thào A	Pó	TTB004987	2	23.00	3.5	26.50
307	Vàng Thị	Cúc	THV001679	1	23.00	3.5	26.50
308	Bùi Thị Thanh	Tú	TDV034185	1	25.50	1.0	26.50
309	Phà Thó	Xa	THV015435	1	23.00	3.5	26.50
310	Lại Thị	Minh	DCN007378	1	25.50	1.0	26.50
311	Nguyễn Thị	Thanh	KQH012316	1	26.00	0.5	26.50
312	Lê Thị	Dung	HDT003866	1	25.50	1.0	26.50
313	Nguyễn Thị Hằng	Nga	TDV020447	1	25.00	1.5	26.50
314	Lý Thị Thu	Huyền	TND011142	1	23.00	3.5	26.50
315	Đỗ Thùy	Trang	HHA014438	1	26.00	0.5	26.50
316	Lò Thị	Mừng	TTB004079	1	23.00	3.5	26.50
317	Nguyễn Thị Hương	Giang	THV003309	1	25.00	1.5	26.50
318	Đinh Thị	Ngân	DCN007924	1	23.00	3.5	26.50
319	Lê Thị	Hằng	HDT007837	1	25.50	1.0	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
320	Lê Đình	Đạt	HDT005241	1	23.00	3.5	26.50
321	Vũ Thùy	Linh	YTB013205	1	24.50	2.0	26.50
322	Bùi Thị Thúy	Quỳnh	TQU004582	1	25.00	1.5	26.50
323	Đậu Thị Hà	Thu	HDT024340	1	25.50	1.0	26.50
324	Nguyễn Văn	Tân	THV011742	1	25.00	1.5	26.50
325	Đặng Thị	Bảy	THV000922	1	23.00	3.5	26.50
326	Lương Thị Lệ	Thu	THV012815	1	23.00	3.5	26.50
327	Lường Văn	Khiêm	LNH004811	1	23.00	3.5	26.50
328	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	TND018396	1	23.00	3.5	26.50
329	Vũ Thị Thanh	Xuân	KQH016470	1	25.50	1.0	26.50
330	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028260	1	25.00	1.5	26.50
331	Hoàng Thị Đình	Mỹ	HDT016855	1	25.00	1.5	26.50
332	Nguyễn Thị Minh	Thư	TLA013516	1	26.00	0.5	26.50
333	Nguyễn Thu	Thoàn	TQU005304	1	23.00	3.5	26.50
334	Lương Thị	Thảo	THV012200	1	23.00	3.5	26.50
335	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	HDT018040	1	25.00	1.5	26.50
336	Hoàng Thị	Loan	TDV017523	1	25.50	1.0	26.50
337	Đinh Kiều	Oanh	TTB004677	1	23.00	3.5	26.50
338	Đường Thu	Quyên	TND020757	1	23.00	3.5	26.50
339	Phan Thị Thùy	Trang	TDV032871	1	25.00	1.5	26.50
340	Trần Thị Thuỳ	Dương	THP002832	1	26.00	0.5	26.50
341	Tô Thị Thu	Hà	TND006459	1	23.00	3.5	26.50
342	Lò Thị	Tiệm	TTB006534	1	23.00	3.5	26.50
343	Quảng Văn	Dũng	TTB001248	1	23.00	3.5	26.50
344	Nguyễn Thị Yến	Nhi	TDV022187	1	26.00	0.5	26.50
345	Sầm Thị	Tuyền	TND028496	1	23.00	3.5	26.50
346	Đàm Thị	Trang	TND026077	1	23.00	3.5	26.50
347	Đỗ Mai	Hương	THP006938	1	26.00	0.5	26.50
348	Lê Thị Bích	Thảo	DCN010221	1	26.00	0.5	26.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
349	Hoàng Thu	Trang	TQU005797	1	23.00	3.5	26.50
350	Trịnh Thị Như	Quỳnh	HDT021335	1	23.00	3.5	26.50
351	Phạm Thị	Giang	HDT006412	1	25.50	1.0	26.50
352	Trần Uyên	Chi	TDV003028	1	25.00	1.5	26.50
353	Nguyễn Thị	Anh	KQH000429	2	24.75	1.5	26.25
354	Nguyễn Thị Kiều	Trang	DCN011807	2	25.75	0.5	26.25
355	Cao Thị	Giang	SPH004446	2	25.75	0.5	26.25
356	Nguyễn Văn	Tùng	TLA015205	2	26.25		26.25
357	Nông Thị	Mến	TQU003587	2	22.75	3.5	26.25
358	Lương Thị	Yến	TND030011	2	22.75	3.5	26.25
359	Triệu Thị	Thùy	KQH013612	2	22.75	3.5	26.25
360	Hoàng Thị	Vân	HDT029488	2	25.25	1.0	26.25
361	Trần Thị Hồng	Vinh	TDV036256	2	24.75	1.5	26.25
362	Nguyễn Thị	Trang	HDT026941	2	25.25	1.0	26.25
363	Bùi Thị	Phương	TND019724	2	22.75	3.5	26.25
364	Nguyễn Thị	Dịu	THP002119	2	25.75	0.5	26.25
365	Lê Thị	Thúy	HHA013877	1	25.75	0.5	26.25
366	Lê Thúy	Nga	DHU013914	1	25.75	0.5	26.25
367	Lê Thị Hồng	Ngát	YTB015320	1	25.25	1.0	26.25
368	Lương ý	Dung	KQH002046	1	22.75	3.5	26.25
369	Hồ Thị	Mỹ	TDV019662	1	24.75	1.5	26.25
370	Vương Thị Linh	Chi	HDT002573	1	24.75	1.5	26.25
371	Lò Thị	Dung	THV002060	1	22.75	3.5	26.25
372	Hoàng Thị	Duyên	TND004302	1	22.75	3.5	26.25
373	Đỗ Thị	Hoa	THV004702	1	24.75	1.5	26.25
374	Trần Thị	Hạnh	TDV008707	1	24.75	1.5	26.25
375	Nguyễn Anh	Thư	TDV030836	1	25.25	1.0	26.25
376	Phạm Văn	Thảo	TND023293	1	24.75	1.5	26.25
377	Lại Thị Bình	Huế	DHU007894	1	25.75	0.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
378	Hà Đình	Công	THV001592	1	22.75	3.5	26.25
379	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	YTB016406	1	25.25	1.0	26.25
380	Đình Thị	Hường	LNH004614	1	22.75	3.5	26.25
381	Nguyễn Nhật	Lệ	TND013711	1	24.75	1.5	26.25
382	Nguyễn Thị Thiên	Hương	TDV014439	1	25.25	1.0	26.25
383	Nguyễn Thị	Định	BKA003042	1	23.25	3.0	26.25
384	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007420	1	24.75	1.5	26.25
385	Vũ Phương	Hoa	TQU001940	1	22.75	3.5	26.25
386	Lương Thị	Bình	HDT002193	1	22.75	3.5	26.25
387	Đỗ Thị Thảo	Anh	YTB000268	1	25.75	0.5	26.25
388	Đình Hoàng	Mai	HDT015943	1	24.75	1.5	26.25
389	Hoàng Thị Lan	Anh	TND000369	1	24.75	1.5	26.25
390	Lê Thị Thanh	Huyền	KQH006144	1	25.75	0.5	26.25
391	Nguyễn Thị Mai	Hương	TDV014432	1	25.75	0.5	26.25
392	Đỗ Thuỳ	Duyên	TQU000975	1	22.75	3.5	26.25
393	Nguyễn Văn	Thiên	THP013793	1	25.25	1.0	26.25
394	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011476	1	25.25	1.0	26.25
395	Lý Thị Tuyết	Nhung	THV009898	1	22.75	3.5	26.25
396	Phạm Thị	Loan	YTB013323	1	25.25	1.0	26.25
397	Lê Thị Khánh	Ly	TDV018286	1	25.75	0.5	26.25
398	Lê Thị Bình	Tiên	TDV031309	1	24.75	1.5	26.25
399	Đặng Thị Thanh	Hà	TND006161	1	22.75	3.5	26.25
400	Nguyễn Thị	Lành	TDV015733	1	24.75	1.5	26.25
401	Vi Thị	Thuyết	THV013199	1	22.75	3.5	26.25
402	Đình Thị Trang	Nhung	TDV022297	1	25.75	0.5	26.25
403	Vũ Thị	Hiền	THV004397	1	22.75	3.5	26.25
404	Hoàng Thị	Lực	KQH008501	1	22.75	3.5	26.25
405	Lê Thị	Hiền	TDV009806	1	24.75	1.5	26.25
406	Nguyễn Thị	Hồng	TND009799	1	24.75	1.5	26.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
407	Nguyễn Thị	Hằng	TDV009221	1	24.75	1.5	26.25
408	Hoàng Thị	Hồng	TLA005694	1	25.75	0.5	26.25
409	Nhữ Thị Ngọc	ánh	TLA001473	1	25.75	0.5	26.25
410	Phan Thị	Thương	TDV031159	1	24.75	1.5	26.25
411	Lù Thị	Trang	THV013768	1	22.75	3.5	26.25
412	Đồng Mai	Phượng	TND019770	1	22.75	3.5	26.25
413	Hoàng Thị Mai	Liễu	TND013933	1	22.75	3.5	26.25
414	Vũ Thị Bích	Châm	THP001451	1	25.75	0.5	26.25
415	Nguyễn Thị	Tinh	HHA014236	1	25.25	1.0	26.25
416	Trần Thị Phương	Anh	HHA000947	1	24.75	1.5	26.25
417	Lã Thị	Thanh	TQU004948	1	24.75	1.5	26.25
418	Lê Thị	Hà	HDT006658	1	25.25	1.0	26.25
419	Trần Thị	Anh	THP000856	2	25.00	1.0	26.00
420	Nguyễn Đức	Công	LNH001193	2	25.50	0.5	26.00
421	Nguyễn Thị Tú	Anh	TTB000196	2	24.50	1.5	26.00
422	Lê Thị	Thư	THV013212	2	22.50	3.5	26.00
423	Nguyễn Thị Hương	Ly	YTB013836	2	25.00	1.0	26.00
424	Trần Minh	Quang	THV010774	2	24.50	1.5	26.00
425	Trần Thị Thu	Thủy	THV012932	2	24.50	1.5	26.00
426	Tòng Thị	Nguyên	TTB004453	2	22.50	3.5	26.00
427	Tòng Thị	Thu	THV012859	2	22.50	3.5	26.00
428	Trần Lan	Hương	YTB010877	2	25.50	0.5	26.00
429	Đào Thị	Yến	KQH016529	2	25.00	1.0	26.00
430	Đỗ Thị	Giang	SPH004466	2	25.00	1.0	26.00
431	Vũ Thị	Phượng	YTB017528	2	25.00	1.0	26.00
432	Vũ Thị Yến	Nhi	THP010824	2	25.50	0.5	26.00
433	Vàng Thị	ánh	TTB000324	2	22.50	3.5	26.00
434	Đỗ Ngọc	Anh	TND000176	2	24.50	1.5	26.00
435	Nguyễn Thị	Yến	TQU006635	2	24.50	1.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
436	Triệu Thị Thu	Hường	TND012247	2	22.50	3.5	26.00
437	Nông Văn	Nam	TTB004168	2	22.50	3.5	26.00
438	Trương Thị Thu	Trang	SPH017853	2	25.00	1.0	26.00
439	Nguyễn Minh	Huyền	TDV013506	2	25.50	0.5	26.00
440	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	TTN013748	2	24.50	1.5	26.00
441	Bàn Thị	Hường	TND012100	2	22.50	3.5	26.00
442	Nguyễn Lưu	Ly	TQU003474	2	24.50	1.5	26.00
443	Võ Thị Tuyết	Mây	TDV019139	1	24.50	1.5	26.00
444	Hoàng Thị	Hoa	THP005281	1	25.00	1.0	26.00
445	Lê Phùng Thùy	Dương	TTB001343	1	24.50	1.5	26.00
446	Lê Thị	Hạnh	HDT007502	1	23.50	2.5	26.00
447	Phạm Thị	Linh	KQH008053	1	25.50	0.5	26.00
448	Hoàng Thị	Tấm	TND022175	1	22.50	3.5	26.00
449	Nguyễn Bích	Ngọc	TQU003919	1	24.50	1.5	26.00
450	Phạm Thị Thanh	Hải	YTB006466	1	25.00	1.0	26.00
451	Mai Thị Thanh	Hà	TQU001412	1	24.50	1.5	26.00
452	Hoàng Đình	Tuấn	BJA014247	1	25.50	0.5	26.00
453	Trần Mạnh	Cường	TDV004078	1	24.50	1.5	26.00
454	Dương Ngọc	Yến	TTB007665	1	24.50	1.5	26.00
455	Nguyễn Thu	Trang	HDT026991	1	22.50	3.5	26.00
456	Đồng Thị Ngọc	Thơ	KQH013257	1	22.50	3.5	26.00
457	Nguyễn Thị	Quỳnh	TDV025522	1	25.00	1.0	26.00
458	Bùi Thị	Mến	HDT016401	1	22.50	3.5	26.00
459	Phạm Nhật	Lệ	THP008015	1	25.00	1.0	26.00
460	Đỗ Thị	Duyên	KQH002424	1	25.50	0.5	26.00
461	Chu Thị	Hương	TDV014213	1	24.50	1.5	26.00
462	Nguyễn Thị	Trang	HDT026850	1	25.00	1.0	26.00
463	Nông Thị Mai	Trang	TND026625	1	22.50	3.5	26.00
464	Hoàng Thị	Ninh	TND019159	1	22.50	3.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
465	Nguyễn Thị Hương	Lan	THV006923	1	22.50	3.5	26.00
466	Nguyễn Bích	Hòa	TTB002379	1	24.50	1.5	26.00
467	Dương Thị Quỳnh	Trang	TDV032074	1	24.50	1.5	26.00
468	Nguyễn Thị	Vân	TDV035844	1	24.50	1.5	26.00
469	Trần Thị	Trang	TDV033109	1	24.50	1.5	26.00
470	Phạm Lâm	Oanh	LNH007144	1	24.50	1.5	26.00
471	Lê Thị	Loan	HDT015087	1	24.50	1.5	26.00
472	Nguyễn Thị	Nhàn	THP010708	1	25.00	1.0	26.00
473	Đặng Thị	Thành	TDV027630	1	24.50	1.5	26.00
474	Hà Kim	Oanh	TTB004678	1	24.50	1.5	26.00
475	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029704	1	24.50	1.5	26.00
476	Nguyễn Văn	Thành	THV012023	1	24.50	1.5	26.00
477	Hoàng Thị	Trang	TQU005793	1	22.50	3.5	26.00
478	Đào Thị Thu	Hương	TQU002596	1	22.50	3.5	26.00
479	Vũ Thị ánh	Tuyết	THP016392	1	25.50	0.5	26.00
480	Nguyễn Mạnh	Linh	SPH009822	1	25.00	1.0	26.00
481	Trần Thị Thanh	Mai	THP009299	1	25.50	0.5	26.00
482	Phàn Thị	Mấy	TQU003576	1	22.50	3.5	26.00
483	Nguyễn Thị	Huệ	HDT010545	1	25.00	1.0	26.00
484	Phạm Thị	Huyền	HDT011613	1	25.00	1.0	26.00
485	Đào Thùy	Trang	TQU005766	1	24.50	1.5	26.00
486	Lê Thị	Ninh	HDT019102	1	25.00	1.0	26.00
487	Dương Thùy	Linh	SPH009423	1	24.50	1.5	26.00
488	Trần Ngọc	Toàn	KHA010183	1	25.00	1.0	26.00
489	Vi Thị Thảo	Ly	TND015781	1	22.50	3.5	26.00
490	Chu Thị	Ngọc	YTB015579	1	25.00	1.0	26.00
491	Nguyễn Thị	Thuận	TDV030027	1	25.00	1.0	26.00
492	Phạm Thị Kiều	Dung	DHU002905	1	24.50	1.5	26.00
493	Dương Thị	Dung	SPH002980	1	25.50	0.5	26.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
494	Nguyễn Thị Anh	Thư	TTB006447	1	24.50	1.5	26.00
495	Lê Thị Minh	Thu	TQU005354	1	24.50	1.5	26.00
496	Lương Thị Thu	Hoài	DCN004228	2	25.25	0.5	25.75
497	Bạch Thị Thu	Hiền	SPH005842	2	24.75	1.0	25.75
498	Khiếu Thị Kim	Anh	YTB000458	2	25.25	0.5	25.75
499	Nguyễn Thị Thủy	Tiên	HDT025673	2	25.25	0.5	25.75
500	Nguyễn Huy	Khánh	THV006575	2	25.25	0.5	25.75
501	Lê Đức	Chung	THP001700	2	24.25	1.5	25.75
502	Cao Thị Thúy	Quỳnh	LNH007704	2	24.25	1.5	25.75
503	Chắng Kiều	Hoài	TQU001983	2	22.25	3.5	25.75
504	Nguyễn Thị	Thơm	TND024265	2	24.75	1.0	25.75
505	Lê Ngọc	Linh	TND014252	2	24.25	1.5	25.75
506	Đoàn Thị	Hương	DHU009151	2	24.25	1.5	25.75
507	Triệu Thị	Viên	TND029263	2	22.25	3.5	25.75
508	Đặng Thị	Hồng	KQH005513	2	22.25	3.5	25.75
509	Lưu Thị	Chuyên	TQU000580	2	22.25	3.5	25.75
510	Lý Thị Thúy	Hường	TND012163	2	22.25	3.5	25.75
511	Nguyễn Thị Diệu	Linh	DHU011248	1	24.25	1.5	25.75
512	Hoàng Lưu	Ly	TQU003457	1	24.25	1.5	25.75
513	Trần Anh	Tuấn	TND028015	1	24.25	1.5	25.75
514	Lê Thị Thanh	Thảo	THP013315	1	24.75	1.0	25.75
515	Tạ Duy	Thanh	DCN010032	1	25.25	0.5	25.75
516	Trịnh Thị	Phượng	HDT020281	1	22.25	3.5	25.75
517	Phạm Mai	Linh	THP008476	1	25.25	0.5	25.75
518	Nguyễn Thị	Linh	TDV016872	1	24.25	1.5	25.75
519	Nguyễn Thị	Hương	TDV014409	1	24.25	1.5	25.75
520	Lưu Thị Thúy	Huyền	TQU002443	1	22.25	3.5	25.75
521	Hoàng Thị	Phượng	SPH013614	1	25.25	0.5	25.75
522	Đinh Thị Ngọc	Hà	TND006154	1	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
523	Trần Thị	Giang	TDV007480	1	25.25	0.5	25.75
524	Triệu Anh	Quân	TQU004502	1	22.25	3.5	25.75
525	Lê Thị	Nhung	HDT018789	1	24.75	1.0	25.75
526	Sỹ Thị Nhật	Lệ	YTB012157	1	25.25	0.5	25.75
527	Vũ Thị Kiều	Anh	LNH000596	1	22.25	3.5	25.75
528	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	HHA014927	1	25.75		25.75
529	Nguyễn Thị	Thắm	THV012413	1	22.25	3.5	25.75
530	Trần Thị Kim	Chi	SPH002449	1	24.75	1.0	25.75
531	Trần Thị Trà	My	LNH006246	1	24.25	1.5	25.75
532	Lương Đình	Hùng	TND010463	1	22.25	3.5	25.75
533	Bế Thị Lệ	Thủy	TND024753	1	22.25	3.5	25.75
534	Đinh Thị Kim	Oanh	HDT019183	1	24.75	1.0	25.75
535	Đinh Xuân Lâm	Anh	TDV022809	1	24.75	1.0	25.75
536	Nguyễn Hồng	Nhung	HHA010578	1	24.25	1.5	25.75
537	Lâm Thị	Trang	TND026235	1	22.25	3.5	25.75
538	Phạm Như Thu	Hường	YTB011074	1	25.25	0.5	25.75
539	Chu Minh	Trang	DCN011617	1	25.25	0.5	25.75
540	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	THV009525	1	24.25	1.5	25.75
541	Lê Thị	Dung	HDT003842	1	24.75	1.0	25.75
542	Đỗ Thị	Nhung	YTB016326	1	25.25	0.5	25.75
543	Lê Thị Phương	Mai	TQU003510	1	24.25	1.5	25.75
544	Hoàng Thuý	Kiều	TND013066	1	22.25	3.5	25.75
545	Nguyễn Thị	Thạch	KQH012186	1	25.25	0.5	25.75
546	Nguyễn Thị	Phương	HHA011196	1	25.25	0.5	25.75
547	Bùi Thị	Ngân	HDT017604	1	24.75	1.0	25.75
548	Ngô Thị	Thùy	TDV030241	1	24.25	1.5	25.75
549	Nguyễn Thị Thu	Dung	THV002093	1	22.25	3.5	25.75
550	Phùng Thị Thu	Huế	TND010121	1	22.25	3.5	25.75
551	Nguyễn Thị Đạo	Diễn	TND003429	1	22.25	3.5	25.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
552	Mào Thị	Duyên	TTB001294	2	22.00	3.5	25.50
553	Lý Ngọc	Linh	TND014313	2	22.00	3.5	25.50
554	Quan Ngọc	Linh	TND014718	2	22.00	3.5	25.50
555	Phan Hồng	Nhung	TDV022497	2	24.00	1.5	25.50
556	Phạm Hồng	Thắm	THP013587	2	25.00	0.5	25.50
557	Lưu Thanh	Hiền	HVN003386	2	25.00	0.5	25.50
558	Sinh Quốc	Toản	TQU005721	2	22.00	3.5	25.50
559	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005323	2	24.00	1.5	25.50
560	Trần Thị Thu	Hà	THV003630	2	25.00	0.5	25.50
561	Lý Thị	Nường	TND019243	2	22.00	3.5	25.50
562	Đàm Thị Minh	Nguyệt	TND018334	2	22.00	3.5	25.50
563	Đinh Thị Hà	Duyên	LNH001702	2	25.00	0.5	25.50
564	Lê Thu	Hà	TTB001744	2	24.00	1.5	25.50
565	Bùi Thị	Nhớ	LNH006909	2	22.00	3.5	25.50
566	Đào Khánh	Dương	TTB001330	1	24.00	1.5	25.50
567	Bùi Ngọc	Lan	LNH004941	1	22.00	3.5	25.50
568	Lò Văn	Thêm	TTB006079	1	22.00	3.5	25.50
569	Nguyễn Thị	Hồng	HDT010125	1	24.50	1.0	25.50
570	Từ Thị	Lý	TDV018537	1	24.00	1.5	25.50
571	Lã Thị Diệu	Linh	LNH005291	1	24.00	1.5	25.50
572	Vi Thị	Hồng	TND009891	1	22.00	3.5	25.50
573	Nguyễn Thị Ly	Ly	TDV018365	1	22.00	3.5	25.50
574	Nguyễn Ngọc	Linh	LNH005340	1	24.00	1.5	25.50
575	Nguyễn Thùy	Trang	THV013923	1	24.50	1.0	25.50
576	Trần Thị Bích	Thùy	TND024739	1	22.00	3.5	25.50
577	Nguyễn Quốc	Tuấn	SPH018613	1	25.00	0.5	25.50
578	Lê Như	Quỳnh	HDT021025	1	24.50	1.0	25.50
579	Lê Thị	Như	TDV022628	1	24.00	1.5	25.50
580	Hà Thị Thùy	Viên	THV015191	1	22.00	3.5	25.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
581	Hà Thị	Hồng	HDT010045	1	24.50	1.0	25.50
582	Hứa Thị	Kiều	TND013056	1	22.00	3.5	25.50
583	Cao Xuân	Hiền	THV004247	1	22.00	3.5	25.50
584	Đặng Thúy	Nga	TDV020350	1	25.00	0.5	25.50
585	Chế Thị	Nhung	TDV022280	1	25.00	0.5	25.50
586	Nông Thị	Phượng	TND020262	1	22.00	3.5	25.50
587	Hoàng Thị	Yến	YTB025705	1	24.50	1.0	25.50
588	Trần Văn	Mạnh	KQH008961	1	25.00	0.5	25.50
589	Trần Thị	Liên	TQU003045	1	24.00	1.5	25.50
590	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	HDT018427	1	24.00	1.5	25.50
591	Trịnh Vũ Ngân	Hà	TDV008083	1	25.00	0.5	25.50
592	Hoàng Thị	Phùng	TQU004283	1	22.00	3.5	25.50
593	Lê Thị	Loan	HDT015081	1	24.00	1.5	25.50
594	Trương Thị Thu	Huyền	TQU002517	1	23.00	2.5	25.50
595	Trần Thị	Huyền	TND011376	1	22.00	3.5	25.50
596	Lê Hồng	Khanh	LNH004740	1	25.00	0.5	25.50
597	Bùi Thúy	Phượng	TND019710	1	22.00	3.5	25.50
598	Phượng Thị	Hảo	TND007201	1	22.00	3.5	25.50
599	Phạm Quốc	Thịnh	LNH008892	1	23.00	2.5	25.50
600	Tần Thị	Thảo	THV012338	1	22.00	3.5	25.50
601	Nguyễn Anh	Tuấn	THV014555	1	24.00	1.5	25.50
602	Nguyễn Thị Thu	Hoài	LNH003577	1	22.00	3.5	25.50
603	Nông Thị Mai	Chi	TND002289	2	21.75	3.5	25.25
604	Nguyễn Phương	Thảo	HDT023264	2	24.75	0.5	25.25
605	Nguyễn Đình	Tiến	DCN011427	2	24.25	1.0	25.25
606	Bùi Thị Quỳnh	Hương	DCN005243	2	21.75	3.5	25.25
607	Nguyễn Thị Thanh	Lộc	KHA006173	2	24.75	0.5	25.25
608	Phạm Thị Thu	Thảo	TND023291	2	21.75	3.5	25.25
609	Hứa Thị	Tươi	TND028723	2	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
610	Nguyễn Thị Thu	Hoài	SPH006705	2	23.75	1.5	25.25
611	Lương Trần Linh	Chi	TND002248	2	21.75	3.5	25.25
612	Trần Thị	Thơ	TDV029629	2	24.25	1.0	25.25
613	Vũ Văn	Linh	KQH008144	2	24.75	0.5	25.25
614	Đỗ Thị	Linh	TND014063	2	23.75	1.5	25.25
615	Đinh Thị	Vân	HHA016046	2	23.75	1.5	25.25
616	Trần Hồng	Nhung	YTB016506	2	24.25	1.0	25.25
617	Luân Thị	Thùy	TND024692	2	21.75	3.5	25.25
618	Lèo Huyền	Trang	DCN011720	2	21.75	3.5	25.25
619	Sái Kiều	Liên	TND013898	1	21.75	3.5	25.25
620	Đinh Thị	Hảo	TND007146	1	21.75	3.5	25.25
621	Mai Đình	Thành	HDT022834	1	24.25	1.0	25.25
622	Hoàng Hải	Hiệp	TND008147	1	21.75	3.5	25.25
623	Lê Thị	Ngọc	HDT017949	1	24.75	0.5	25.25
624	Ma Thị	Huế	TND010086	1	21.75	3.5	25.25
625	Nguyễn Khánh	Huyền	TND011177	1	21.75	3.5	25.25
626	Phan Thị Khuyên	Giang	TDV007432	1	23.25	2.0	25.25
627	Nguyễn Thị	Liên	HDT013667	1	24.25	1.0	25.25
628	Ngô Xuân	Trường	HVN011476	1	24.25	1.0	25.25
629	Hoàng Thị	Liên	TND013846	1	21.75	3.5	25.25
630	Thiều Thị	Trinh	HDT027451	1	24.75	0.5	25.25
631	Mai Thị	Trang	HDT026674	1	24.25	1.0	25.25
632	Nông Thị	Tuyết	THV014933	1	21.75	3.5	25.25
633	Dương Thị	Lương	TND015496	1	24.25	1.0	25.25
634	Ngô Thị	Đào	HDT005142	1	24.25	1.0	25.25
635	Đỗ Hoàng	Long	TND015069	1	23.75	1.5	25.25
636	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000602	1	24.25	1.0	25.25
637	Trần Thùy	Giang	HDT006459	1	24.25	1.0	25.25
638	Nguyễn Văn	Tuấn	TDV034886	1	21.75	3.5	25.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
639	Nguyễn Thị Tú	Quyên	HDT020820	1	24.25	1.0	25.25
640	Ma Hoài	Thương	TND025339	1	21.75	3.5	25.25
641	Nguyễn Thị	Dương	DCN002123	1	21.75	3.5	25.25
642	Trần Thị ánh	Tuyết	DCN012864	1	24.25	1.0	25.25
643	Hoàng Thị Thùy	Linh	THV007419	1	21.75	3.5	25.25
644	Hà Thị	Hoa	LNH003408	1	21.75	3.5	25.25
645	Hà Văn	Long	HDT015212	1	21.75	3.5	25.25
646	Ma Thị Thùy	Trang	TQU005826	1	21.75	3.5	25.25
647	Kiều Thị Huyền	Trang	KQH014436	1	24.75	0.5	25.25
648	Nguyễn Minh	Thúy	THV013150	1	23.75	1.5	25.25
649	Hoàng Minh	Ngọc	TND017928	2	21.50	3.5	25.00
650	Nông Thị	Hợp	TND009923	2	21.50	3.5	25.00
651	Cà Thị	Quyên	TTB005106	2	21.50	3.5	25.00
652	Phùng Thị	Mai	TND016070	2	21.50	3.5	25.00
653	Hoàng Thị	Huệ	TND010181	2	21.50	3.5	25.00
654	Nguyễn Thanh	Tùng	THP016190	2	24.50	0.5	25.00
655	Nguyễn Thị Nhật	Huệ	TND010280	2	21.50	3.5	25.00
656	Đỗ Mạnh	Khánh	DCN005638	2	24.50	0.5	25.00
657	Giàng Thị	Cúc	TTB000864	2	21.50	3.5	25.00
658	Phan Thị	Trinh	TTB006890	2	23.50	1.5	25.00
659	Ly Thị	Mỹ	TTB004096	2	21.50	3.5	25.00
660	Đỗ Thị	Mận	SPH011222	2	24.00	1.0	25.00
661	Chu Thị Kim	Chi	TND002199	2	23.50	1.5	25.00
662	Trần Hồng	Hạnh	TTB001945	1	23.50	1.5	25.00
663	Phạm Việt	Hoa	TTB002337	1	23.50	1.5	25.00
664	Hoàng Văn	Hưởng	DCN005558	1	21.50	3.5	25.00
665	Giàng A	Sênh	THV011312	1	21.50	3.5	25.00
666	Hoàng Thị	Vân	TND029059	1	21.50	3.5	25.00
667	Lộc Thị	Lệ	TND013691	1	21.50	3.5	25.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
668	Hoàng Thị Huyền	Trang	HDT026366	1	24.00	1.0	25.00
669	Lường Thị	Nguyệt	TTB004479	1	21.50	3.5	25.00
670	Mai Thị	Thảo	HDT023246	1	24.00	1.0	25.00
671	Ngô Thị	Duyên	TDV005300	1	23.50	1.5	25.00
672	Vũ Thị Tuyết	Băng	TND001635	1	23.50	1.5	25.00
673	Nông Thu	Hà	TND006410	1	21.50	3.5	25.00
674	Nguyễn Thị Việt	Phượng	THP011646	1	24.50	0.5	25.00
675	Trịnh Thị Lan	Tường	HDT029259	1	23.50	1.5	25.00
676	Lê Thị	Dung	HDT003850	1	24.00	1.0	25.00
677	Trần Thị	Kiều	HDT013015	1	23.50	1.5	25.00
678	Vũ Thị Thu	Hoài	TND009223	1	23.50	1.5	25.00
679	Vũ Thị Kim	Khánh	YTB011385	1	24.50	0.5	25.00
680	Lê Thị	Huyền	HDT011361	1	21.50	3.5	25.00
681	Đào Thị	Hà	TDV007591	1	23.50	1.5	25.00
682	Vũ Thị	Dương	THP002855	1	24.50	0.5	25.00
683	Phạm Thị	Linh	HDT014743	1	24.00	1.0	25.00
684	Phùng Thị Ngọc	ánh	THV000842	2	23.25	1.5	24.75
685	Trần Thị Vân	Anh	DCN000700	2	24.25	0.5	24.75
686	Nông Thị Yến	Nhi	TND018706	2	21.25	3.5	24.75
687	Nông Thị Lan	Anh	TND000937	2	21.25	3.5	24.75
688	Lý Mùi	Chuổng	TND002712	2	21.25	3.5	24.75
689	Tăng Thị	Chang	THP001430	2	23.75	1.0	24.75
690	Trần Thị	Phượng	HHA011396	2	21.25	3.5	24.75
691	Nguyễn Thị	Hiền	SPH005915	2	23.75	1.0	24.75
692	Hà Văn	Thắm	HDT023531	2	21.25	3.5	24.75
693	Hoàng Thị	Dung	TND003690	2	21.25	3.5	24.75
694	Lý Thị	Thanh	TND022460	2	21.25	3.5	24.75
695	Nông Thị	Tình	TND025686	2	21.25	3.5	24.75
696	Đinh Thị	Dự	TQU001020	2	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
697	Từ Thị	Tuyển	TND028584	2	23.25	1.5	24.75
698	Trần Thị	Hoàn	YTB008625	2	23.75	1.0	24.75
699	Phan Lê Minh	Phượng	TDV024090	2	24.25	0.5	24.75
700	Phùng Thị	Phượng	TND020269	2	21.25	3.5	24.75
701	Đinh Ngọc	Quỳnh	THV011041	2	23.25	1.5	24.75
702	Phạm Thị Hương	Giang	LNH002395	1	23.25	1.5	24.75
703	Nguyễn Nhã	Đồng	TDV006478	1	23.75	1.0	24.75
704	Nguyễn Thị	Hiếu	TDV010525	1	23.75	1.0	24.75
705	Nguyễn Thị	Liên	TQU003036	1	23.25	1.5	24.75
706	Liềng Thị	Mai	THV008399	1	21.25	3.5	24.75
707	Phạm Thị	Hằng	TDV009352	1	23.75	1.0	24.75
708	Quách Xương	Trang	HDT027109	1	21.25	3.5	24.75
709	Phạm Hữu	Tuyển	THP016305	1	23.75	1.0	24.75
710	Doãn Thị	Tình	TDV031596	1	23.25	1.5	24.75
711	Lò Thạc	Khuê	THV006689	1	21.25	3.5	24.75
712	Chu Khánh	Huyền	TND010989	1	21.25	3.5	24.75
713	Nguyễn Tuấn	Cương	THP001861	1	23.75	1.0	24.75
714	Phạm Thị	Giang	HDT006422	1	23.25	1.5	24.75
715	Nguyễn Tuyết	Mai	TDV018744	1	23.75	1.0	24.75
716	Nguyễn Thị	Loan	TQU003320	1	23.25	1.5	24.75
717	Đinh Minh	Đức	KQH003135	1	24.25	0.5	24.75
718	Hoàng Thanh	Thương	TND025321	1	21.25	3.5	24.75
719	Nguyễn Thị	Hoài	HDT009611	1	23.75	1.0	24.75
720	Nông Quốc	Cường	TND003259	1	21.25	3.5	24.75
721	Lý Thị	Hạnh	TND006945	1	21.25	3.5	24.75
722	Cao Thị	Trang	SPH017281	1	23.75	1.0	24.75
723	Bế Thị	Định	TND005206	1	21.25	3.5	24.75
724	Bùi Thị	Dung	HDT003743	1	23.75	1.0	24.75
725	Hoàng Ngọc	Luyến	TND015391	1	21.25	3.5	24.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
726	Hà Thị Hoài	Hiên	THV004233	2	21.00	3.5	24.50
727	Bùi Văn	Nghiệp	YTB015529	2	23.50	1.0	24.50
728	Triệu Ngọc	Chiến	TQU000481	2	21.00	3.5	24.50
729	Hoàng Kim	Phú	TND019597	2	21.00	3.5	24.50
730	Lò Thị	Thần	TTB006066	2	21.00	3.5	24.50
731	Lò Thị	Thanh	TTB005665	2	21.00	3.5	24.50
732	Đặng Mạnh	Hùng	TQU002264	2	23.00	1.5	24.50
733	Điêu Thị	Vân	TTB007425	2	21.00	3.5	24.50
734	Nguyễn Thị	Thùy	TND024717	2	21.00	3.5	24.50
735	Hạng Thị	Pàng	TTB004708	2	21.00	3.5	24.50
736	Dương Phước	Sang	SPH014607	2	24.00	0.5	24.50
737	Đào Huyền	My	TND016779	2	24.00	0.5	24.50
738	Giàng Văn	Tư	TQU006328	2	21.00	3.5	24.50
739	Pờ Gia	Pớ	TTB004995	2	21.00	3.5	24.50
740	Lộc Thị Lan	Anh	TND000445	2	21.00	3.5	24.50
741	Đào Thị	Thu	THP014025	2	23.50	1.0	24.50
742	Nguyễn Thanh	Hoa	THV004768	2	23.00	1.5	24.50
743	Chẫu Thị	Ly	TQU003450	2	21.00	3.5	24.50
744	Nguyễn Thị	Hằng	SPH005644	2	23.50	1.0	24.50
745	Vi Thị	Hảo	TDV008884	2	21.00	3.5	24.50
746	Đoàn Thị Hồng	Ly	YTB013807	1	24.00	0.5	24.50
747	Nguyễn Mạnh	Cường	TND003195	1	24.00	0.5	24.50
748	Trần Thị	Hiên	THP004893	1	23.50	1.0	24.50
749	Trương Thành	Đức	BKA003356	1	24.00	0.5	24.50
750	Đào Thị	Thúy	TND024976	1	23.00	1.5	24.50
751	Phạm Thị Thuý	Linh	TDV017190	1	23.50	1.0	24.50
752	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	TDV021203	1	23.00	1.5	24.50
753	Nguyễn Thị	Thanh	HDT022629	1	22.50	2.0	24.50
754	Vũ Thị Yến	Chi	SPH002462	1	23.00	1.5	24.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
755	Ngô Thị Lan	Phương	DHU017849	1	24.00	0.5	24.50
756	Trương Thị	Hoa	HDT009348	1	23.50	1.0	24.50
757	Vũ Thị Thúy	Hằng	SPH005765	1	23.00	1.5	24.50
758	Lương Thị	Thắm	TTB005973	1	21.00	3.5	24.50
759	Lò Thị	Lan	TTB003310	1	21.00	3.5	24.50
760	Nguyễn Thị	Hường	LNH004641	1	23.00	1.5	24.50
761	Trần Thị Huyền	Trang	TND026732	1	21.00	3.5	24.50
762	Chu Thị	Chiều	TND002443	1	21.00	3.5	24.50
763	Nguyễn Thị	Tuần	TQU006088	1	21.00	3.5	24.50
764	Trần Thái	Bảo	SPH001971	1	24.50		24.50
765	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	YTB010107	1	24.00	0.5	24.50
766	Nguyễn Thị	Duyên	TND004341	1	23.00	1.5	24.50
767	Lương Thị	Linh	HDT014285	1	23.00	1.5	24.50
768	Nguyễn Thị	Thủy	TQU005470	1	23.00	1.5	24.50
769	Lương Kim	Hoàn	TND009285	1	21.00	3.5	24.50
770	Hà Thị	Phương	TTB004860	1	21.00	3.5	24.50
771	Nguyễn Thị	Loan	BKA007942	3	23.25	1.0	24.25
772	Phùng Thị	Hồng	SPH007055	2	23.25	1.0	24.25
773	Trịnh Thị Bích	Ngọc	TTB004420	2	22.75	1.5	24.25
774	Nguyễn Thị	Tấm	YTB019074	2	23.25	1.0	24.25
775	Nguyễn Thị	Ngát	HDT017591	2	23.25	1.0	24.25
776	Vũ Hương	Hà	TND006516	2	20.75	3.5	24.25
777	Hoàng Thị Huyền	Chang	TND002064	2	20.75	3.5	24.25
778	Đào Duy	Hải	TLA004256	2	23.75	0.5	24.25
779	Chẫu Thị	Thủy	TQU005415	2	20.75	3.5	24.25
780	Vũ Thị Hoài	Linh	THV007829	2	22.75	1.5	24.25
781	Ngũ Thị	Thảo	TQU005075	2	20.75	3.5	24.25
782	Vũ Ngọc Quỳnh	Trang	BKA013696	2	24.25		24.25
783	Đình Thị	Thu	TQU005345	2	22.75	1.5	24.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
784	Nguyễn Thị Thu	Hiền	DCN003740	2	23.75	0.5	24.25
785	Phạm Thị	Lan	HDT013272	2	22.75	1.5	24.25
786	Long Thị	Vân	TND029083	2	20.75	3.5	24.25
787	Nguyễn Thị	Thảo	TDV028207	1	23.25	1.0	24.25
788	Đỗ Thị	Uyên	KQH015940	1	23.75	0.5	24.25
789	Trần Thị	Nha	TND018488	1	20.75	3.5	24.25
790	Đinh Thị	Liên	LNH005113	1	20.75	3.5	24.25
791	Phạm Thị	Bình	HDT002247	1	20.75	3.5	24.25
792	Nguyễn Thị Hồng	Trang	HHA014609	1	23.75	0.5	24.25
793	Vũ Hồng	Phượng	THV010669	1	22.75	1.5	24.25
794	Lê Thị	Linh	SPH009611	1	23.75	0.5	24.25
795	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	THP006593	1	23.25	1.0	24.25
796	Bùi Thị	Duyên	TDV005217	1	23.25	1.0	24.25
797	Nguyễn Thu	Trang	THV013909	1	22.75	1.5	24.25
798	Đỗ Thị	Thảo	THV012108	1	20.75	3.5	24.25
799	Nguyễn Thị	Loan	YTB013301	1	23.25	1.0	24.25
800	Nguyễn Thị	Hằng	YTB007020	1	22.25	2.0	24.25
801	Nguyễn Thị	Doanh	TND003593	1	22.75	1.5	24.25
802	Bùi Thị	Trang	LNH009651	1	20.75	3.5	24.25
803	Lê Thị	Giang	HDT006293	1	23.25	1.0	24.25
804	Lưu Khánh	Linh	SPH009654	1	20.75	3.5	24.25
805	Hoàng Thị	Hạnh	HDT007478	1	23.25	1.0	24.25
806	Hoàng Hồng	Thoa	TND024081	2	20.50	3.5	24.00
807	Lò Văn	Thủy	TTB006374	2	20.50	3.5	24.00
808	Hoàng Thị	Thắm	TND023427	2	20.50	3.5	24.00
809	Dương Thị	Thu	TQU005343	2	20.50	3.5	24.00
810	Lý Thị	Niệm	TND019129	2	20.50	3.5	24.00
811	Lương Thị	Thủy	TQU005461	2	20.50	3.5	24.00
812	Hoàng Thị	Quỳnh	HDT021007	2	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
813	Nùng Thị Thanh	Huyền	THV005903	2	20.50	3.5	24.00
814	Trần Hồng	Hạnh	HDT007612	2	23.50	0.5	24.00
815	Vừ Lao	Vàng	TTB007401	2	20.50	3.5	24.00
816	Tấn San	Mấy	THV008633	2	20.50	3.5	24.00
817	Ngô Thị	Hà	HDT006762	2	22.50	1.5	24.00
818	Mã Thị Hương	Lan	TND013292	2	20.50	3.5	24.00
819	Phạm Thị	Lý	HDT015892	2	22.50	1.5	24.00
820	Hà Diệu	Hằng	TTB002003	2	20.50	3.5	24.00
821	Trần Thị Phương	Thảo	THV012357	2	22.50	1.5	24.00
822	Phạm Hoàng Hải	Nam	THV009038	2	20.50	3.5	24.00
823	Nguyễn Ngọc	ánh	DCN000815	2	20.50	3.5	24.00
824	Trần Thị Hồng	Nhung	NLS008795	2	22.50	1.5	24.00
825	Chu Thị	Thảo	SPH015531	2	23.50	0.5	24.00
826	Phùng Văn	Pu	TND020306	1	20.50	3.5	24.00
827	Phạm Thị	Hiền	HDT008582	1	22.50	1.5	24.00
828	Nguyễn Thị	Duyên	TDV005348	1	23.00	1.0	24.00
829	Mã Thu	Thủy	NLS012268	1	22.50	1.5	24.00
830	Ngô Văn	Chính	THP001673	1	23.00	1.0	24.00
831	Bùi Thị Phương	Loan	LNH005532	1	20.50	3.5	24.00
832	Hoàng Kim	Cúc	TND002938	1	20.50	3.5	24.00
833	Vũ Duy	Tiến	HHA014203	1	22.50	1.5	24.00
834	Đỗ Thị	Phương	HDT019670	1	22.50	1.5	24.00
835	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	THP009235	1	23.00	1.0	24.00
836	Võ Thị Thu	Hiền	TDV010166	1	22.50	1.5	24.00
837	Phạm Ngọc	Ngà	THP010082	1	23.50	0.5	24.00
838	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DCN010306	1	23.50	0.5	24.00
839	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	TND007016	1	23.50	0.5	24.00
840	Nguyễn Thị	Nhung	TTB004592	1	22.50	1.5	24.00
841	Ma Thị	Lan	TQU002923	1	20.50	3.5	24.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
842	Phùng Thị	Oanh	TND019393	1	20.50	3.5	24.00
843	Vũ Thị	Nữ	TND019228	1	22.50	1.5	24.00
844	Nguyễn Thị	Thơm	TDV029685	1	23.00	1.0	24.00
845	Đinh Thị	Phượng	TDL011197	1	22.50	1.5	24.00
846	Chu Thúy	Hiền	TQU001685	1	20.50	3.5	24.00
847	Trần Thị Thủy	Tiên	TDV031339	1	23.00	1.0	24.00
848	Chu Tú	Anh	TND000127	1	20.50	3.5	24.00
849	Phạm Thị Khánh	Huyền	TQU002484	1	22.50	1.5	24.00
850	Trần Thu	Huyền	TQU002515	1	20.50	3.5	24.00
851	Lữ Thị Hải	Yến	TLA015865	1	23.50	0.5	24.00
852	Vũ Thị	Tư	YTB024658	4	22.75	1.0	23.75
853	Phạm Thị Hồng	ánh	THV000840	2	22.25	1.5	23.75
854	Nguyễn Thị	Mai	TQU003519	2	22.25	1.5	23.75
855	Quàng Văn	Kẻo	TTB003029	2	20.25	3.5	23.75
856	Lương Thị	Phượng	TDV023878	2	22.75	1.0	23.75
857	Nông Phan Trung	Đức	TND005650	2	20.25	3.5	23.75
858	Nguyễn Thanh	Nhàn	TQU004033	2	22.25	1.5	23.75
859	Hoàng Văn	Kiệm	TTB003199	2	20.25	3.5	23.75
860	Nguyễn Thị Kiều	My	THV008833	2	22.25	1.5	23.75
861	Lò Văn	Chưởng	TTB000807	2	20.25	3.5	23.75
862	Nguyễn Thị	Nguyệt	TDV021707	2	22.25	1.5	23.75
863	Trần Thị Lan	Vy	HDT030120	2	22.25	1.5	23.75
864	Nguyễn Lan	Anh	KQH000363	2	22.25	1.5	23.75
865	Nông Thị	Thơm	TND024271	2	20.25	3.5	23.75
866	Dương Thị	Sâm	HDT021448	2	22.75	1.0	23.75
867	Linh Văn	Phong	TND019536	2	20.25	3.5	23.75
868	Lê Đình	Tuấn	HDT028213	1	22.75	1.0	23.75
869	Hoàng Thị	Xuân	HVN012416	1	22.75	1.0	23.75
870	Quàng Văn	Quyển	THV010988	1	20.25	3.5	23.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
871	Nguyễn Thị	Hường	HDT012479	1	22.25	1.5	23.75
872	Nguyễn Thị	Mùi	TDV019535	1	22.25	1.5	23.75
873	Chu Thị	Hồng	TND009691	1	20.25	3.5	23.75
874	Nguyễn Hương	Ly	HHA008804	1	23.25	0.5	23.75
875	Đặng Hồng	Gấm	LNH002301	1	22.25	1.5	23.75
876	Trần Thị	Tâm	TND022148	1	20.25	3.5	23.75
877	Dương Thị	Thanh	TND022393	1	22.75	1.0	23.75
878	Đàm Ngọc	Vũ	THV015319	1	22.25	1.5	23.75
879	Nguyễn Thị	Minh	THP009563	1	23.25	0.5	23.75
880	Ngô Thị	Hằng	TND007355	1	22.75	1.0	23.75
881	Nguyễn Thị	ánh	LNH000670	1	23.25	0.5	23.75
882	Vũ Thị Tú	Linh	TDV017454	1	22.75	1.0	23.75
883	Nguyễn Ngọc	ánh	THV000805	1	22.25	1.5	23.75
884	Nguyễn Thị	Trang	LNH009851	1	23.25	0.5	23.75
885	Hoàng Thị	Mai	TDV018620	1	22.75	1.0	23.75
886	Nguyễn Thị Hồng	Yến	TDV036990	1	22.25	1.5	23.75
887	Trần Hữu	Đức	TDV006981	1	23.25	0.5	23.75
888	Nguyễn Thị	Thúy	KQH013813	1	23.25	0.5	23.75
889	Ma Thị	Thảo	TQU005070	2	20.00	3.5	23.50
890	Thào A	Sam	TTB005250	2	20.00	3.5	23.50
891	Chu Thị Bích	Loan	TND014918	2	20.00	3.5	23.50
892	Bùi Anh	Tuấn	LNH010243	2	20.00	3.5	23.50
893	Bùi Khánh	Huyền	TTB002776	2	22.00	1.5	23.50
894	Nguyễn Thị	Hiền	TDV009941	2	23.00	0.5	23.50
895	Nguyễn Thị Kim	Tuyến	DCN012825	2	22.00	1.5	23.50
896	Sĩ Thị Thanh	Thúy	HVN010450	2	22.50	1.0	23.50
897	Trần Lê	Tĩnh	TTB006645	2	22.00	1.5	23.50
898	Hà Thị	Huynh	TQU002531	2	20.00	3.5	23.50
899	Hoàng Thị	Xuân	TND029773	2	20.00	3.5	23.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
900	Nông Văn	Quân	TND020573	1	20.00	3.5	23.50
901	Nguyễn Thị	Ngọc	HHA010156	1	23.00	0.5	23.50
902	Nguyễn Thị	Hồng	SPH007020	1	22.50	1.0	23.50
903	Bùi Thị	Thùy	HDT024756	1	22.50	1.0	23.50
904	Trần Ngọc	ánh	THV000852	1	22.00	1.5	23.50
905	Nguyễn Thị	Huyền	HDT011511	1	22.00	1.5	23.50
906	Hoàng Thị	Gió	TQU001378	1	20.00	3.5	23.50
907	Phạm Thùy	Linh	TQU003243	1	21.00	2.5	23.50
908	Trần Đức	Dũng	HDT004396	1	22.50	1.0	23.50
909	Vi Phương	Thảo	TDV028494	1	20.00	3.5	23.50
910	Triệu Văn	Cao	TND002019	1	20.00	3.5	23.50
911	Vũ Thị Thanh	Hiền	THV004398	1	22.00	1.5	23.50
912	Hà Thị Thu	Trang	THV013695	1	20.00	3.5	23.50
913	Quàng Thị	Phương	TTB004924	1	20.00	3.5	23.50
914	Nguyễn Thu	Huyền	SPH007942	1	22.50	1.0	23.50
915	Nguyễn Thị Lan	Anh	HDT001069	1	22.50	1.0	23.50
916	Nguyễn Thị	Thoan	TDV029460	1	22.50	1.0	23.50
917	Tô Thị	Hường	TND012241	1	20.00	3.5	23.50
918	Nguyễn Thanh	Bình	TTB000419	1	22.00	1.5	23.50
919	Nguyễn Thị	Trâm	YTB023250	1	22.50	1.0	23.50
920	Mai Thị Thủy	Tiên	DND024539	3	22.25	1.0	23.25
921	Mã Thị Hoài	Anh	TND000544	2	19.75	3.5	23.25
922	Phan Thị	Tinh	TND025687	2	19.75	3.5	23.25
923	Trần Thị	Nhàn	SPH012889	2	21.75	1.5	23.25
924	Giàng A	Dơ	THV001993	2	19.75	3.5	23.25
925	Lê Thị Lệ	Quyến	TND020902	2	21.75	1.5	23.25
926	Ngô Phương	Đông	YTB005139	2	22.25	1.0	23.25
927	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	THP000588	2	22.25	1.0	23.25
928	Phạm Thị	Lam	HDT013083	2	21.75	1.5	23.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
929	Nguyễn Thị	Hiền	THV004312	2	21.75	1.5	23.25
930	Hoàng Thị Nhật	Lệ	THP007990	2	22.25	1.0	23.25
931	Nguyễn Văn	Huỳnh	THP006769	2	22.25	1.0	23.25
932	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	HDT014558	2	22.75	0.5	23.25
933	Quách Văn	Long	TQU003359	2	19.75	3.5	23.25
934	Vì Văn	Son	THV011363	2	19.75	3.5	23.25
935	Nguyễn Tuấn	Anh	LNH000478	1	19.75	3.5	23.25
936	Trần Thị	Nga	THP010043	1	22.25	1.0	23.25
937	Nguyễn Thu	Hà	THP003884	1	22.25	1.0	23.25
938	Lò Thị	Thanh	TTB005812	1	19.75	3.5	23.25
939	Phàn Mùi	Mấy	TQU003577	1	19.75	3.5	23.25
940	Lê Thị	Khánh	HDT012671	1	22.25	1.0	23.25
941	Cao Thị	Thơm	THP013977	1	22.25	1.0	23.25
942	Nguyễn Thị	ánh	TDV001787	1	21.75	1.5	23.25
943	Nguyễn Thị	Lan	TQU002928	1	21.75	1.5	23.25
944	Hoàng Hồng	Hạnh	KQH003939	1	19.75	3.5	23.25
945	Hồ A	Lênh	THV007142	1	19.75	3.5	23.25
946	Nguyễn Hồng	Sơn	TDV026249	1	21.75	1.5	23.25
947	Nguyễn Thị	Hợp	TDV012355	1	21.75	1.5	23.25
948	Hoàng Thị	Mến	THV008642	1	21.75	1.5	23.25
949	Quách Thị	Châm	LNH000911	1	19.75	3.5	23.25
950	Trần Thị	Hoa	TDV010974	1	22.25	1.0	23.25
951	Lục Thị ánh	Đào	HDT005131	1	19.75	3.5	23.25
952	Nguyễn Hải	Nam	HHA009549	1	22.25	1.0	23.25
953	Đỗ Trung	Hiếu	YTB007859	1	22.25	1.0	23.25
954	Phạm Thị	Trang	THV013962	4	21.50	1.5	23.00
955	Vũ Thị	ánh	TND001455	3	21.50	1.5	23.00
956	Vũ Thị Hiền	Hòa	YTB008467	2	22.00	1.0	23.00
957	Vũ Thị	Lý	HDT015908	2	22.00	1.0	23.00

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
958	Vũ Thị	Thu	TDV029960	2	22.00	1.0	23.00
959	Vi Thị Bích	Vân	TND029201	2	19.50	3.5	23.00
960	Nguyễn Thị	Hợp	KQH005615	2	22.50	0.5	23.00
961	Nguyễn Lê Kiều	My	TDV019581	2	22.50	0.5	23.00
962	Trần Thị	Dịu	TLA002418	2	22.00	1.0	23.00
963	Nguyễn Thị Minh	Dung	SPH003077	2	22.00	1.0	23.00
964	Mê Thị Thu	Hạnh	TTB001932	2	19.50	3.5	23.00
965	Phùng Thị	Tuyết	TND028663	2	19.50	3.5	23.00
966	Hoàng Thanh	Hằng	THV004023	2	21.50	1.5	23.00
967	Lê Thị	Nhị	HDT018604	2	22.00	1.0	23.00
968	Trịnh Thị	Hoa	TND008866	2	19.50	3.5	23.00
969	Hoàng Thị	Trang	TDV032273	2	21.50	1.5	23.00
970	Hoàng Thị	Thủy	TND024798	1	19.50	3.5	23.00
971	Phan Diệu	Anh	TTB000226	1	21.50	1.5	23.00
972	Trần Thương	Thương	THV013317	1	19.50	3.5	23.00
973	Nông Thị Mĩ	Lan	TND013373	1	19.50	3.5	23.00
974	Lò Thị	Chung	TTB000738	1	19.50	3.5	23.00
975	Tạ Thị	Huyền	BKA006109	1	22.00	1.0	23.00
976	Hồ Sỹ	Vượng	TDV036515	1	22.00	1.0	23.00
977	Nguyễn Thị	Thanh	THV011888	1	21.50	1.5	23.00
978	Lý Thị Mỹ	Lệ	TND013703	1	19.50	3.5	23.00
979	Vi Thị	Phương	TND020125	1	19.50	3.5	23.00
980	Hồ Thị	Yến	TDV036873	1	22.00	1.0	23.00
981	Đào Thị	Thu	HVN010083	1	22.00	1.0	23.00
982	Đinh Thi Kim	Xuyến	TND029851	2	19.25	3.5	22.75
983	Phan Ngọc	Tiến	SPH017047	2	22.75		22.75
984	Trương Thị Thùy	Linh	TQU003285	2	21.25	1.5	22.75
985	Trần Văn	Tuấn	TND028031	2	19.25	3.5	22.75
986	Doãn Thị Lâm	Phương	TDV023739	2	21.25	1.5	22.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
987	Ngôn Nguyệt	ánh	TND001341	2	19.25	3.5	22.75
988	Nguyễn Thị	Loan	TQU003318	2	19.25	3.5	22.75
989	Hoàng Văn	Huy	HDT010997	2	20.25	2.5	22.75
990	Nguyễn Thị	Diễm	HHA002024	2	21.25	1.5	22.75
991	La Phương	Thắm	TND023432	1	19.25	3.5	22.75
992	Nguyễn Thanh	Tuấn	TND027906	1	19.25	3.5	22.75
993	Nông Thị Hồng	Thắm	TND023461	1	19.25	3.5	22.75
994	Phùng Thị Mỹ	Linh	THV007723	1	21.25	1.5	22.75
995	Triệu Văn	Kiên	TTN008874	1	19.25	3.5	22.75
996	Phạm Văn	Long	YTB013481	1	21.75	1.0	22.75
997	Trần Thị	Hậu	SPH005825	1	19.25	3.5	22.75
998	Bùi Thị	Hà	HDT006522	1	19.25	3.5	22.75
999	Bùi Thị	Quỳnh	HDT020940	1	21.75	1.0	22.75
1000	Lù Ti	Hình	THV004692	1	19.25	3.5	22.75
1001	Hà Kiều	Ly	THV008266	1	19.25	3.5	22.75
1002	Triệu Thị	Ngoan	TND017832	2	19.00	3.5	22.50
1003	Trịnh Thị	Hà	HDT007011	2	21.00	1.5	22.50
1004	Nông Cao	Định	TTN003809	2	19.00	3.5	22.50
1005	Lầu Thị	Bình	TND001846	1	19.00	3.5	22.50
1006	Hoàng Thu	Lệ	TND013684	1	19.00	3.5	22.50
1007	Phạm Thị	Lan	HVN005564	1	21.50	1.0	22.50
1008	Nguyễn Thị	Lan	TQU002930	1	21.00	1.5	22.50
1009	Sùng A	Ná	TTB004102	1	19.00	3.5	22.50
1010	Hoàng Thị	Ước	HDT029397	1	21.00	1.5	22.50
1011	Đỗ Thị	Huyền	THP006441	1	21.50	1.0	22.50
1012	Nguyễn Linh	Lộc	TND015222	2	20.75	1.5	22.25
1013	Vũ Thị	Phương	TND020139	2	20.75	1.5	22.25
1014	Triệu Thị Thu	Trang	TND026717	2	18.75	3.5	22.25
1015	Sùng Seo	Vảng	THV015071	2	18.75	3.5	22.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1016	Hoàng Thị	Nụ	YTB016677	2	21.25	1.0	22.25
1017	Dương Thị	Bình	TDV002454	2	20.75	1.5	22.25
1018	Đinh Thị Nhật	Lệ	KHA005420	2	21.25	1.0	22.25
1019	Nông Thị	Huyền	TQU002400	2	18.75	3.5	22.25
1020	Trương Thị	Vân	TLA015511	2	21.25	1.0	22.25
1021	Phàn A	ỏn	THV010150	2	18.75	3.5	22.25
1022	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	LNH003170	2	21.75	0.5	22.25
1023	Nguyễn Thị	Trang	TDV032806	2	21.75	0.5	22.25
1024	Khổng Thị	Thơ	SPH016235	2	21.25	1.0	22.25
1025	Nguyễn Anh	Tiến	TND025564	2	20.75	1.5	22.25
1026	Nông Thảo	Lam	TND013196	2	18.75	3.5	22.25
1027	Trần Thị Như	Quỳnh	TDV025653	1	21.25	1.0	22.25
1028	Phạm Thị Tâm	Trang	HDT027044	1	21.75	0.5	22.25
1029	Lê Thị Thuỳ	Linh	KQH007818	2	21.50	0.5	22.00
1030	Trần Thị Thảo	Nguyên	TND018282	2	20.50	1.5	22.00
1031	Hà Duy	Khánh	LNH004763	2	18.50	3.5	22.00
1032	Dương Thị Tuyết	Chinh	LNH001066	2	20.50	1.5	22.00
1033	Lương Minh	Phụng	HDT019590	2	18.50	3.5	22.00
1034	Diệp Thành	Hạnh	TND006863	2	18.50	3.5	22.00
1035	Hoàng Thị	Oanh	TND019306	2	20.50	1.5	22.00
1036	Đinh Thị	Hương	TND011720	1	20.50	1.5	22.00
1037	Nguyễn Thị	Ngân	YTB015395	1	21.00	1.0	22.00
1038	Lê Hồng	Sơn	KQH011840	1	21.50	0.5	22.00
1039	Lưu Thị	Thoa	TND024098	1	18.50	3.5	22.00
1040	Phạm Viết	Khởi	THP007553	2	21.25	0.5	21.75
1041	Lìm Thị	Luyến	THV008152	2	18.25	3.5	21.75
1042	Hà Thị	Nhiên	TQU004074	1	20.25	1.5	21.75
1043	Nguyễn Đình	Chiều	TTB000609	2	20.00	1.5	21.50
1044	Khoàng Thị	Tuyết	TTB007298	2	18.00	3.5	21.50

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1045	Ngô Văn	Tĩnh	THV013504	2	18.00	3.5	21.50
1046	Triệu Thị Thu	Hà	TQU001448	2	20.00	1.5	21.50
1047	Nguyễn Văn	Đạt	THP003039	2	20.50	1.0	21.50
1048	Trịnh Thị Vân	Anh	HDT001630	2	20.00	1.5	21.50
1049	Nguyễn Mỹ	Hạnh	KHA003083	2	20.50	1.0	21.50
1050	Nguyễn Thị	Phượng	YTB017612	2	20.50	1.0	21.50
1051	Hoàng Phương	Bắc	TTB000353	2	18.00	3.5	21.50
1052	Đỗ Minh	Sỹ	TQU004831	2	18.00	3.5	21.50
1053	Nguyễn Thị Hồng	Nga	TND017359	1	18.00	3.5	21.50
1054	Lê Thị	Trang	TLA013996	1	20.50	1.0	21.50
1055	Mào Thị	Duyên	TTB001293	1	18.00	3.5	21.50
1056	Đào Bích	Ngọc	THV009420	1	18.00	3.5	21.50
1057	Nguyễn Thị	Lan	TDV015628	1	20.00	1.5	21.50
1058	Lê Văn	Đức	HDT005906	2	20.25	1.0	21.25
1059	Vi Thị	Thao	TND022768	2	17.75	3.5	21.25
1060	Nguyễn Văn	Khởi	TND012782	2	19.75	1.5	21.25
1061	Phạm Anh	Tuấn	TND027979	2	20.25	1.0	21.25
1062	Vũ Thị	Thanh	THP013104	2	20.75	0.5	21.25
1063	Trần Thị	Khuyên	THP007573	1	20.25	1.0	21.25
1064	Đinh Kiều	Anh	TND000234	1	17.75	3.5	21.25
1065	Bế Ngọc	Hải	TND006560	1	17.75	3.5	21.25
1066	Đỗ Thùy	Dương	HDT004765	1	19.75	1.5	21.25
1067	Vũ Văn	Tĩnh	HHA014243	1	20.75	0.5	21.25
1068	Lò Thị	Thuận	TTB006312	3	17.50	3.5	21.00
1069	Giàng A	Cu	TTB000851	2	17.50	3.5	21.00
1070	Nguyễn Thị	Trang	THP015240	2	20.00	1.0	21.00
1071	Lò Thị	Hoài	TTB002407	2	17.50	3.5	21.00
1072	Lê Thị Thu	Thảo	TTB005864	2	19.50	1.5	21.00
1073	Dương Thị	Cúc	TQU000628	2	17.25	3.5	20.75

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1074	Nguyễn Đức	Tú	DCN012387	2	20.25	0.5	20.75
1075	Lê Thị	Sơn	HDT021668	2	19.25	1.5	20.75
1076	Lê Thị	Huyền	YTB009944	2	19.75	1.0	20.75
1077	Vũ Thành	Duy	TND004268	1	19.25	1.5	20.75
1078	Trần Đăng	Sỹ	YTB018898	1	19.75	1.0	20.75
1079	Sùng A	Tá	TTB005495	2	17.00	3.5	20.50
1080	Trần Thị Bích	Phượng	BKA010628	2	20.00	0.5	20.50
1081	Nguyễn Thị Hoa	Mai	THV008419	1	19.00	1.5	20.50
1082	Thân Thị Diệu	Linh	TND014731	2	18.75	1.5	20.25
1083	Đình Thị Hồng	Thanh	HHA012419	2	19.75	0.5	20.25
1084	Thào A	Tăng	TTB005526	2	16.50	3.5	20.00
1085	Nguyễn Thị	Nga	TQU003794	2	16.50	3.5	20.00
1086	Hà Thị	Huyền	TND011064	2	16.50	3.5	20.00
1087	Giàng Thị	Dinh	THV001961	2	16.50	3.5	20.00
1088	Nguyễn Đình	Hải	TND006673	2	16.25	3.5	19.75
1089	Hoàng Thị	Mây	TQU003574	3	16.00	3.5	19.50
1090	Phan Thanh	Lịch	TND013784	2	16.00	3.5	19.50
1091	Hoàng Quốc	Việt	YTB025121	2	18.50	1.0	19.50
1092	Nguyễn Quang	Sơn	TTB005416	2	18.00	1.5	19.50
1093	Nguyễn Ngọc	Cân	KQH001191	2	18.50	1.0	19.50
1094	Triệu Thị	Hạnh	TND007069	2	15.75	3.5	19.25
1095	Nguyễn Văn	Thắng	LNH008759	2	17.75	1.5	19.25
1096	Vàng Ngọc	Cương	THV001721	2	15.50	3.5	19.00
1097	Cà Thị	Hoa	TTB002291	2	15.50	3.5	19.00
1098	Lương Thị Thanh	Tuyền	TND028474	2	15.50	3.5	19.00
1099	Phạm Thị	Thanh	THP013075	2	18.00	0.5	18.50
1100	Lò Minh	Tiến	TTB006573	2	15.00	3.5	18.50
1101	Trương Đức	Quý	LNH007630	1	15.00	3.5	18.50
1102	Nguyễn Lâm	Anh	TND000654	2	16.75	1.5	18.25

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀO NGÀNH LUẬT KINH TẾ
Tổ hợp môn xét tuyển: C00 (Văn - Sử - Địa)

Từ ngày : 01/08/2015 đến ngày : 17/08/2015

Trang 39

STT	Họ và tên thí sinh		Số báo danh	Thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào ngành	Kết quả thi (theo tổ hợp dùng để xét tuyển)	Điểm ưu tiên	Điểm xét tuyển
1103	Lê Trung	Kiên	THV006740	2	15.50	2.5	18.00
1104	Phạm Thị	Hằng	HHA004422	2	17.25	0.5	17.75
1105	Nguyễn Việt	Tiến	KQH014099	2	17.00	0.5	17.50
1106	Lã Thị Minh	Ngọc	KHA007209	2	16.75	0.5	17.25
1107	Lưu Khánh	Huyền	TQU002442	2	15.25	1.5	16.75
1108	Ngô Thế	Quỳnh	SPH014503	2	16.25	0.5	16.75
1109	Cao Thị	Hoàn	HDT009682	2	15.00	1.5	16.50
1110	Bùi Thị	Hằng	YTB006871	1	15.00	1.0	16.00
1111	Đinh Thị	Ngọc	HDT017887	2	14.50	1.0	15.50
1112	Lê Hồng	Sơn	LNH007926	1	15.00	0.5	15.50
1113	Hoàng Tiến	Dũng	THV002193	2	11.75	3.5	15.25
1114	Lò Văn	Thanh	TTB005679	2	11.50	3.5	15.00

Hà Nội, ngày 17 tháng 08 năm 2015
NGƯỜI LẬP BIỂU